TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH T** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST Ngày: 23-3-2023 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Chính.

Ông Nguyễn Công Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Đ, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Đ, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Năm 2001, bà và ông Nguyễn Văn S có tổ chức lễ cưới, đến năm 2006 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/11/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 10/9/2002 hiện trưởng thành và Nguyễn Huỳnh M, sinh ngày 15/3/2007 đang sống chung với bà. Khoảng 05 tháng gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường cải vã dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc đã sống ly thân đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Bà T yêu cầu ly hôn với ông S và yêu cầu được nuôi con

chung tên Nguyễn Huỳnh M, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con, con chung tên Nguyễn Huỳnh T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Năm 2001 ông và bà T cưới nhau, đến năm 2006 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/11/2006. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 10/9/2002 trưởng thành và Nguyễn Huỳnh M, sinh ngày 15/3/2007 đang sống chung với bà T. Bà T xin ly hôn ông không đồng ý và mong muốn được hàn gắn vợ chồng để nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông S; Về con chung, giao bà T được quyền nuôi con Nguyễn Huỳnh M, sinh ngày 15/3/2007 đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 186 ngày 17/11/2006 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng thể hiện, bà T và ông S có đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn bà T trình bày thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân cách nay năm tháng. Bị đơn ông S trình bày còn thương vợ có nguyện vọng được hàn gắn, không đồng ý ly hôn. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng bà T trình bày không còn tình cảm thương yêu vợ chồng với ông S, cuộc sống không hạnh phúc, Tòa án đã tiến hành hòa giải bà T cương quyết ly hôn. Mặt khác, bà T và ông S sau khi ly thân mạnh ai nấy sống không quan tâm lẫn nhau, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì tình cảm vợ, chồng không còn. Do đó, bà T xin

ly hôn là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ ... quyền nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông S; còn ông S xin hàn gắn không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông S thống nhất vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 10/9/2002 đã trưởng thành và Nguyễn Huỳnh M, sinh ngày 15/3/2007 hiện đang sống cùng bà T, bà T yêu cầu được nuôi cháu M, đồng thời cháu M có lời trinh bày đồng ý sống cùng bà T, nên Hội đồng xét xử xem xét giao cháu M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết do bà T không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà T người yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà T đã nộp xong án phí.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

2. Về quyền nuôi con: Giao bà Huỳnh Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh M, sinh ngày 15/3/2007 đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị T nộp số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002894 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, bà T đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- UBND thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Nam